TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 601/2019/DS-PT
Ngày: 22-11-2019
V/v "Tranh chấp thừa kế nhà và quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Minh

Các thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Ông Hoàng Thanh Dũng

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 263/2019/TLDS-PT ngày 20 tháng 5 năm 2019 về việc "Tranh chấp thừa kế nhà và quyền sử dụng đất". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1985/2019/QĐ-PT ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ tạm trú: Ấp B, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị B: Luật sư Nguyễn Văn D - Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 8, ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị T: Luật sư Tô Vĩnh H - Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long

3.2 Ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1954 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 8, ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

3.2 Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1946 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã T1, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

3.3 Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1950 (có mặt)

3.4 Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1956 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.5 Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1955 (có mặt)

3.6 Ông Nguyễn Văn Ngh, sinh năm 1956 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn Ngh: Luật sư Nguyễn Văn D - Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long.

3.7 Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Tr, xã Tr1, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

3.8 Bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1968 (có mặt)

3.9 Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

3.10 Bà Mai Ánh Ch (vợ ông T, vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 8, ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

3.11 Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường số 14, phường B, quận B1, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn Ngh, ông Nguyễn Thành T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, bản án sơ thẩm và lời khai của các bên tham gia vụ kiện tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Tại đơn khởi kiện ngày 22/8/2016 và quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị B trình bày: Cha mẹ chị khi còn sống có tạo lập phần đất thổ vườn thuộc thửa 235, tờ bản đồ số 5, diện tích 3.450m^2, tọa lạc ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, gắn liền với căn nhà cấp 4, diện tích khoảng 100m^2, kết cấu mái tôn, vách tường, nền gạch bông.

Chị sống bên cha mẹ chồng, đến năm 1991 chồng chị mất. Năm 1994 mẹ ruột chị (là bà Ng) cho chị 01 công đất thuộc thửa 235 nêu trên, cho bằng miệng có tất cả 09 anh, chị em biết. Ngay sau khi mẹ chị cho đất chị cất nhà cấp 4, diện tích khoảng 80m^2 mái lá, nền đất, vách lá và vách ván, cột cây theo giá hiện nay khoảng 80.000.000 đồng và được cấp sổ hộ khẩu tại nhà này, bao gồm chị và 04 người con của chị.

Năm 2004 do hoàn cảnh khó khăn chị phải đi làm thuê tại thành phố Hồ Chí Minh. Tháng 5/2004 chị T tự phá dỡ nhà, đem hết đồ đạc, vật dụng như giường ngủ, bàn ghế, chén, nồi … về để trong nhà bà Ng. Tháng 7/2004 (âm

lịch) chị về nhà mới biết nhà bị chị T tháo dỡ, chị có yêu cầu chị T cất nhà lại nhưng chị T không đồng ý.

Sau khi bà Ng mất (năm 2013) chị T chiếm hết nhà và đất của bà Ng tại thửa 235 nêu trên. Chị tranh chấp yêu cầu chị T giao cho chị 1.000m^2 đất tại thửa 235 nhưng hòa giải không thành. Sau đó, chị B được ngày 25/5/2000 bà Ng làm tờ di chúc để lại di sản hương quả là nhà gắn liền quyền sử dụng đất thửa 677 (thửa mới là thửa 235) cho chị T thừa hưởng. Ngày 04/4/2006 bà Ng làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho chị T được Ủy ban nhân dân (UBND) xã H chứng thực, chị T hợp thức hóa đăng ký quyền sử dụng đất, được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/3/2014 số CH 04345 đổi thành thửa mới là thửa 92, tờ bản đồ số 9, diện tích 3.646,8m^2.

Chị yêu cầu Tòa án buộc chị T giao lại 300m^2 đất tại vị trí nhà của chị đã bị tháo dỡ thuộc thửa 92, diện tích chung 3.646,8m^2. Buộc chị T xây dựng khôi phục căn nhà cũ cấp 4, diện tích 80m^2 theo kết cấu đã nêu hoặc bồi thường thiệt hại nhà trị giá 80.000.000 đồng. Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện V cấp ngày 12/5/2014 do chị Nguyễn Thị T đứng tên 300m^2 đất ngay vị trí nhà của chị.

Ngày 12/9/2017 chị B có Đơn xin rút một phần khởi kiện có nội dung: Chị xin rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị T tại thửa 235, diện tích 300m^2, diện tích chung 3.646,8m^2.

Ngày 24/5/2018 chị B có đơn khởi kiện bổ sung có nội dung: Trước đây chị tranh chấp quyền sử dụng đất với chị T yêu cầu đòi lại 300m^2 đất mà bà Ng đã cho chị. Nay chị yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất 235 nêu trên. Lý do chị thay đổi yêu cầu khởi kiện vì chị cho rằng phần phần này do cha mẹ để lại chưa chia nên chị yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất này và yêu cầu chị T bồi thường thiệt hại 30.000.000 đồng.

Ngày 23/7/2018 chị B có Đơn khởi kiện bổ sung: Việc bà Ng lập thủ tục kê khai thừa kế thửa 235 chưa đúng thủ tục, vì ông Đ mất năm 1991 không có lập di chúc và các con trong hàng thừa kế không ký tên để bà Ng đứng tên di sản của ông Đ để lại.

Ngày 25/10/2002 bà Ng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ngày 25/5/2000 bà Ng lập tờ do chúc cho toàn bộ tài sản nhà đất cho chị T, tờ di chúc không có chứng thực, bà Ng tuổi cao không có giám định sức khỏe.

Chị rút lại phần yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất với chị T đối với 300m^2.

+ Chị yêu cầu chia di sản thừa kế gồm nhà và đất của ông Đ để lại cho tất cả 09 anh, chị, em và yêu cầu hủy thủ tục đăng ký thừa kế từ ông Đ sang bà Ng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Ng; Yêu cầu hủy thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà Ng sang chị T và giấy chứng chứng nhận quyền sử dụng đất của chị T. Hủy di chúc ngày 25/5/2000 của bà Lê Thị Ng.

+ Yêu cầu chị T bồi thường thiệt hại việc phá dỡ căn nhà trị giá 30.000.000 đồng.

Tại tờ tường trình ngày 22/11/2016 và quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc B trình bày: Nguồn gốc phần đất thửa 235 (thửa mới 92), diện tích 3.450m^2, tọa lạc tại ấp N1, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long là của cha mẹ chị là ông Nguyễn Văn Đ (mất năm 1991), bà Lê Thị Ng (mất năm 2013). Ông Đ bà Ng có 09 người con gồm: Nguyễn Thị G; Nguyễn Thị L, Nguyễn Thành T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Ngh, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị B1, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị T. Năm 2002 bà Ng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2006 bà Ng lập hợp đồng chuyển nhượng cho chị toàn bộ thửa đất này. Chị đã làm thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất. Ngày 12/5/2014 chị đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chị thống nhất phần đất đang tranh chấp là tài sản của cha mẹ để lại. Nhưng chị yêu cầu gom tất cả các tài sản của cha đứng tên chia đều cho tất cả 09 anh, chị em. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của chị B 30.000.000 đồng. Căn nhà của chị B do bà Ng thuê người tháo dỡ, chị không có tháo dỡ nên không đồng ý bồi thường.

Tại văn bản ghi ý kiến ngày 12/10/2018 chị T trình bày: Năm 1991 bà Ng đứng ra chia tài sản cho các con, tài sản đều được chia hết, ai cũng có phần nên không còn di sản thừa kế để chia. Chị không đồng ý yêu cầu chia thừa kế của chị B. Chị không có yêu cầu phản tố, chỉ phản bác yêu cầu chia thừa kế.

Chị đồng ý tự nguyện cho 500m^2 đất vườn thuộc phần đất khác do anh B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng để chị B cất nhà.

- Tại văn bản số 350/UBND-TNMT ngày 18/4/2018 UBND huyện V ý kiến như sau:

Theo tư liệu đo đạc bản đồ giải thửa năm 1991 (chương trình đất) ông Nguyễn Văn Đ kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 235 (thửa cũ 677), tờ bản đồ số 5, diện tích 3.450m^2, loại đất thổ vườn, tọa lạc ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Năm 1991 ông Đ mất. Ngày 01/8/2002 bà Lê Thị Ng (vợ ông Đ) lập thủ tục thừa kế quyền sử dụng đất 3.450m^2, thửa 235. Tờ khai thừa kế quyền sử dụng đất được UBND xã H xác nhận ngày 05/8/2002. Sau khi thực hiện xong thủ tục thừa kế bà Ng được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 506806 thửa 235, tờ bản đồ số 5, diện tích 3.450m^2, thời điểm này phần đất không xảy ra tranh chấp.

Trình tự thủ tục thừa kế quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ng được thực hiện theo quy định tại Điều 22, 23 Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 của Chính phủ về thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế quyền sử dụng đất và thế chấp, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, ông Đ và bà Ng có 09 người con nhưng khi lập thủ tục phân chia thừa kế, bà Ng không đưa hết 09 người con này vào để thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của ông Đ là không đúng quy định của pháp luật về thừa kế.

Ngày 04/4/2006 bà Ng lập thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà T thửa 235 theo hợp đồng được UBND xã H chứng thực cùng ngày. Sau đó,

bà T được Phòng Tài nguyên và Môi trường chỉnh lý biến động về người sử dụng đất trên trang 4 của giấy chứng nhận đã cấp cho bà Ng. Tại thời điểm này không xảy ra tranh chấp. Trình tự thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T được thực hiện theo quy định tại Điều 148 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ và khoản 9 Điều 3 Quyết định số 24/2004/QĐ-BTNMT ngày 01/11/2004. Thực hiện đo đạc bản đồ địa chính chính quy (dự án Vlap) bà T được cấp đổi quyền sử dụng đất thửa số 92, tờ bản đồ số 9, diện tích 3.646,8m^2. Trình tự thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009.

- Ngày 30/5/2018 và ngày 22/8/2018 chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Thành T, anh Nguyễn Văn Ngh, anh Nguyễn Văn H có đơn yêu cầu chia thừa kế phần đất vườn và đơn yêu cầu độc lập: Về nguồn gốc phần đất tranh chấp các anh chị thống nhất như chị Nguyễn Thị B trình bày.

Các anh chị yêu cầu:

+ Chia thừa kế phần nhà và đất thửa 235, tờ bản đồ số 5, diện tích 3.450m^2 (thửa mới 92, tờ bản đồ số 9, diện tích 3.646,8m^2 hiện do Nguyễn Thị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), tọa lạc ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long cho 09 anh, chị, em.

+ Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Lê Thị Ng đứng tên ngày 25/10/2002.

+ Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Nguyễn Thị T đứng tên ngày 12/5/2014.

+ Yêu cầu hủy Tờ di chúc của bà Lê Thị Ng lập ngày 25/5/2000.

- Chị Nguyễn Thị G, chị Nguyễn Thị L1, chị Nguyễn Thị B1 trình bày: Nguồn gốc phần đất thửa 235, tờ bản đồ số 5, diện tích 3.450m^2 tọa lạc ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long chị B yêu cầu chia thừa kế là tài sản của bà Lê Thị Ng thừa hưởng từ bà Nguyễn Thị G1, theo tờ di chúc ngày 19/6/1981, không phải là tài sản chung của ông Đ và bà Ng.

Ông Đ và bà Ng có 09 người con gồm: Nguyễn Thị G, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thành T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Ngh, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị B1. Năm 1991 bà Ng đã đứng ra chia cho các con(…), các chị cũng có phần nên không yêu cầu chia. Bà Ng chia ai cũng có phần nên không còn di sản thừa kế để chia. Đối với yêu cầu chia thừa kế của chị B các chị đề nghị bác yêu cầu.

- Anh Nguyễn Ngọc T và chị Mai Ánh Ch, Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Anh, chị và gia đình thống nhất để mẹ là Nguyễn Thị T toàn quyền quyết định về việc tranh chấp đất diện tích 3.646,8m^2, thửa 92.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long quyết định:

Áp dụng các Điều 70, 71, 217, 227, 228, 238 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 648, 650, 674, 675, 676 Bộ Luật dân sự năm 2005; Điều 357; Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2012/NQ-

HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B.

- Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Thành T, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn Ngh.

+ Hủy một phần giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số 56927 QSDĐ của UBND huyện V cấp cho bà Lê Thị Ng ngày 25/10/2002 tại thửa số 235, tờ bản đồ số 5, diện tích 3.450m^2, loại đất thổ vườn, tọa lạc ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

+ Hủy một phần giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 04345 của UBND huyện V cấp cho chị Nguyễn Thị T ngày 12/5/2014 tại thửa 92, tờ bản đồ số 9, diện tích 3.646,8m^2, loại đất thổ vườn, tọa lạc ấp N, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

+ Hủy một phần Tờ di chúc ngày 25/5/2000 của bà Ng đối với di sản thừa kế (phần của ông Đ để lại). Công nhận một phần Tờ di chúc ngày 25/5/2000 của bà Ng đối với ½ di sản thừa kế (phần của bà Ng).

+ Đình chỉ đối với yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về tài sản là căn nhà của chị Nguyễn Thị B.

+ Giao chị B phần đất có diện tích 143,2m^2 bao gồm các mốc 10, 11, 12, L, K, 10.

+ Giao chị L phần đất có diện tích 144,5m^2 bao gồm các mốc K, L, M, H, K. Trong đó có 3,2m^2 chuồng bò. Buộc chị L phải hoàn trả giá trị chuồng bò cho chị Tươi 1.916.000 đồng.

+ Giao anh T phần đất có diện tích 146,8m^2 bao gồm các mốc H, M, N,G, H. Trong đó có 11,4m^2 chuồng bò. Buộc anh T phải hoàn trả giá trị chuồng bò cho chị T 6.826.000 đồng.

+ Giao anh H phần đất có diện tích 148,4m^2 bao gồm các mốc G, N, O, F, G. Trong đó có 9,4m^2 chuồng bò. Buộc anh H phải hoàn trả giá trị chuồng bò cho chị T 5.628.000 đồng.

+ Giao anh Ngh phần đất có diện tích 150,5m^2 bao gồm các mốc F, O, P, E, F.

+ Buộc chị B, chị L, anh H, anh T, anh Ngh liên đới trả giá trị cây trồng cho chị T và anh B là 10.000.000 đồng.

+ Đối phần diện tích hàng rào: Buộc chị B trả giá trị hàng rào cho chị T số tiền là 3.672.000 đồng; Buộc chị L trả giá trị hàng rào cho chị T số tiền là 3.661.000 đồng; Buộc anh T trả giá trị hàng rào cho chị T số tiền là 3.661.000 đồng; Buộc anh H trả giá trị hàng rào cho chị T số tiền là 3.661.000 đồng; Buộc anh Ngh trả giá trị hàng rào cho chị T số tiền là 3.661.000 đồng.

+ Giao ½ là phần tài sản của bà Ng cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục quản lý sử dụng có diện tích 1.813.1m^2, bao gồm các mốc 13, 14, c, d, e, f, 4, 5, 6, 7, 17, 16, 15, 13 (trong đó có khu mộ diện tích 33,3m^2).

+ Giao cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục, quản lý, sử dụng phần nhà thờ và

khuôn viên nhà thờ 129m^2; phần lối đi vào nhà thờ 94,3m^2, nhà vệ sinh 7,3m^2 và các vật dụng trong nhà dùng vào việc thờ cúng.

Các phần thừa kế của bà Ng, chị G, chị B1, chị L1 và của chị T tiếp tục giao cho chị T quản lý sử dụng, bao gồm các diện tích:

+ Chị G 152m^2 bao gồm các mốc E, P, Q, D, E.
+ Chị B1 154,3m^2 bao gồm các mốc D, Q, R, c, D.
+ Chị L1 156,lm^2 bao gồm các mốc c, R, s, B, c.
+ Chị T 156,9m^2 bao gồm các mốc B, s, A, 20, 19, 9, B.
+ Bà Ng 175,lm^2 bao gồm các mốc 8, 18, 17, 7,8.

Giao cho chị T tiếp tục quản lý sử dụng phần 54,6m^2 (61,9m^2 - 7,3m^2 nhà vệ sinh) bao gồm các mốc 13, 15, 20, A, 13.

Kèm theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 20/8/2018 và ngày 17/01/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

Các bên đương sự có nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi suất theo quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, tiền án phí và dành quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/2/2019 bị đơn Nguyễn Thị T và ngày 01/3/2019 nguyên đơn Nguyễn Thị B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; ngày 04/3/2019 những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn Ngh, Nguyễn Thành T có đơn kháng cáo đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Vị luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan kháng cáo có quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính pháp lý và hiệu lực của Tờ di chúc, cụ thể việc bà Ng lập di chúc không hợp pháp, do bà Ng lập di chúc lúc đã 73 tuổi, giấy khám sức khỏe tổng quát, không phải là hồ sơ khám tâm thần kinh, nên không có cơ cở chứng minh bà Ng còn minh mẫn; thời điểm lập di chúc bà Ng không phải là chủ sỡ hữu nên bà không có quyền cho con gái là bà T; bà Võ Thị Kim Ph là người lập giùm bà Ng bản di chúc mà Tòa án sơ thẩm không đưa bà Phước vào tham gia tố tụng là vi phạm tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm theo hướng hủy Tờ di chúc do không hợp pháp và chia thừa kế theo pháp luật cho 9 người con của bà Ng.

- Vị luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành đo vẽ không hợp pháp vì không phải ý chí của các bên đương sự mà chia theo ý chí của vị Thẩm phán, do đó không khách quan trong

quá trình giải quyết vụ án. Dù có di chúc hay không có di chúc, thì bà G1 đã chỉ định bà Ng làm đất hương quả, ông Đ chết trước, theo quy định thì cần xác định hàng thừa kế, nhưng Tòa án sơ thẩm đã là chưa xác định hàng thừa kế phù hợp pháp luật; các con của bà Ng được chia rồi, các bên cũng thừa nhận đã nhận đất chia mà cấp sơ thẩm không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo hướng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chia thừa kế công bằng, theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét tính hợp pháp của Tờ di chúc; bản Trích đo bản vẽ địa chính không khách quan, không có căn cứ, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xác minh xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến của các đương sự, quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị B, bị đơn Nguyễn Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Thành T, Nguyễn Văn Ngh, Nguyễn Văn H trong hạn luật định và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Thành T, Nguyễn Văn Ngh, Nguyễn Văn H:

[2.1] Về tính hợp pháp, giá trị pháp lý của Tờ di chúc của bà Lê Thị Ng lập ngày 25/5/2000:

Theo Chứng thực lưu trữ địa chính số 567A/CTLT-TTCNTTTNMT ngày 21/4/2016 thể hiện: nguồn gốc đất tranh chấp là của bà Nguyễn Thị G1 (mẹ của bà Ng) đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg. Nhưng đến năm 1991 ông Đ đã kê khai đăng ký và 09/01/1992 ông Đ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 677, có diện tích 3.450m^2. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thừa nhận là tài sản của cha mẹ để lại, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tài sản chung của vợ chồng ông Đ, bà Ng là có căn cứ.

Ngày 20/8/1991 ông Đ mất, không để lại di chúc, ngày 01/8/2002 bà Ng có Tờ khai thừa kế quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 235 (thửa cũ 677) phần kê khai những người được hưởng thừa kế chỉ có bà Lê Thị Ng và được UBND xã H xác nhận ngày 05/8/2002. Ngày 12/8/2002 bà Ng có Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên, lý do là nhận thừa kế. Tòa án cấp sơ thẩm qua đánh giá các tài liệu có trong hồ sơ và khẳng định việc bà Ng kê khai thừa kế từ ông Đ (chồng của bà) mà không có ý kiến của các con (đồng

thừa kế) là không phù hợp với pháp luật thừa kế, do đó việc bà Ng kê khai để được hưởng toàn bộ tài sản là không hợp pháp. Do việc kê khai thừa kế là không hợp pháp nên tài sản của ông Đ và bà Ng được giải quyết theo quy định về pháp luật thừa kế được quy định tại Điều 650, 674 Bộ Luật dân sự năm 2005 là có cơ sở, phù hợp pháp luật.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng Tờ di chúc do bà Ng lập vào ngày 25/5/2000 chỉ không hợp pháp một phần, vì thực chất bà Ng có quyền định đoạt ½ tài sản này nên công nhận một phần Tờ di chúc ngày 25/5/2000 của bà Ng đối với ½ di sản (phần của bà Ng để lại cho chị T). Từ đó, xét xử và quyết định phân chia giao ½ diện tích (là phần tài sản của bà Ng) cho chị T tiếp tục quản lý sử dụng có diện tích 1.813,1m^2. Phần nhà thờ và khuôn viên nhà thống nhất là tài sản chung, sử dụng vào mục đích thờ cúng, giao cho chị T quản lý. Còn lại 1.582,4m^2 chia cho bà Ng và 09 người con... là chưa xem xét, đánh giá đầy đủ hình thức và nội dung của Tờ di chúc.

Hội đồng xét xử nhận thấy, Tờ di chúc do bà Ng lập có nội dung: *"Khi nhận di sản hương quả nêu trên con gái tôi là Nguyễn Thị T, phải thực hiện các nghĩa vụ như sau:*

*1. **Quản lý di sản hương quả** để truyền lại đời con cháu kế tiếp không được cầm cố, nhượng, cho, tặng, hoặc chuyển dịch sở hữu dưới bất kỳ hình thức nào.2. Việc thờ cúng giỗ chạp hàng năm con gái tôi phải lo cúng giỗ... ".* Nội dung trên thể hiện rõ ý chí của bà Ng là giao cho chị T quyền quản lý di sản hương quả mà không phải là giao quyền sở hữu, định đoạt phần nhà, đất các bên đang tranh chấp.

Mặt khác, xét hình thức của Tờ di chúc của bà Ng lập ngày 25/5/2000, do bà Ng không biết chữ (lời khai của các đồng thừa kế thừa nhận tại phiên tòa phúc thẩm), không tự mình viết bản di chúc mà nhờ người khác viết, nhưng chỉ có một người làm chứng là bà Võ Thị Kim Ph, mà không có 2 người làm chứng trở lên đã vi phạm Điều 634 Bộ luật Dân sự 2015. Vì vậy, Tờ di chúc của bà Ng không hợp pháp về nội dung và hình thức; không đưa bà Võ Thị Kim Ph là người làm chứng vào tham gia vụ kiện với tư cách người có quyền nghĩa vụ liên quan là vi phạm thủ tục tố tụng.

Từ đó việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định như bản án sơ thẩm là vi phạm nghiêm trọng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Bộ luật Dân sự về quyền thừa kế, làm ảnh hưởng đến quyền bình đẳng trong việc phân chia di sản thừa kế của các nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo luật định.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, do luật sư của các nguyên đơn, bên bị đơn cho rằng tờ Trích đo bản đồ địa chính tỷ lệ 1:500 ngày 20/8/2018 là không phù hợp ý chí của các bên, tự ý thẩm phán cắt đo như vậy là không thể hiện trên thực địa, không khách quan là vi phạm pháp luật. Đồng thời vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa cho rằng do không đánh giá tính hợp pháp của Tờ di chúc nên việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ đạo đo đạc không khách quan, vi phạm nghiêm trọng tố tụng, đề nghị hủy án sơ thẩm.

Hội đồng xét xử cho rằng, Tờ di chúc do bà Ng lập không hợp pháp về nội dung và hình thức; trường hợp này do bà Ng đã chết trước ngày nguyên đơn khởi kiện, cho nên cần xác định phần đất tranh chấp là di sản thừa kế của ông Đ, bà Ng để chia thừa kế cho các đồng thừa kế theo pháp luật. Mặt khác, do các bên không đồng ý việc chia các kỷ phần thừa kế như tờ Trích đo bản đồ địa chính tỷ lệ 1:500 ngày 20/8/2018 đã nêu trên, cho nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không thể giải quyết, phân chia kỷ phần thừa kế được mà cần phải tiến hành đo vẽ lại mới có cơ sở để giải quyết. Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát và ý kiến của luật sư bên bị đơn có cơ sở, phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T xác định đây là tài sản chung của cha mẹ để lại, chị đồng ý chia thừa kế tài sản này, nhưng yêu cầu gom tất cả tài sản của ông Đ, bà Ng lại để phân chia chia đều cho các thừa kế. Tuy nhiên, quá trình lấy lời khai, hòa giải, chị T không có yêu cầu phản tố cho nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu gom tất cả các tài sản trước đây (khi ông Đ, bà Ng còn sống để chia) của chị T là có căn cứ, phù hợp với pháp luật.

Tuy nhiên, theo các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của các bên tại phiên tòa sơ, phúc thẩm đều thừa nhận, trước khi chết thì ông Đ, bà Ng đã có chia gia sản cho các con, riêng chị B có được chia nhưng không nhận vào thời điểm đó và trong đơn khởi kiện ban đầu, chị B cũng chỉ yêu cầu chia 300m^2 đất trên phần đất tranh chấp. Luật sư bảo vệ cho quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn cũng đề nghị nên đưa tất cả các tài sản trước đây của ông Đ, bà Ng để xem xét khi chia thừa kế nhằm đảm bảo công bằng cho chị B, chị T.

Nhận thấy đề nghị nói trên là hợp pháp, tự nguyện nên khi thụ lý, xét xử lại theo trình tự sơ thẩm cần đưa nội dung trên vào xem xét, đánh giá để có căn cứ giải quyết khách quan, toàn diện vụ án.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng là không đưa bà Võ Thị Kim Ph là người làm chứng vào tham gia vụ kiện với tư cách người có quyền nghĩa vụ liên quan. Trong quá trình giải quyết đã không đánh giá đúng tính hợp pháp, có căn cứ của Tờ di chúc; chưa thu thập đầy đủ các tài liệu, văn bản như đã nhận định ở trên. Những vi phạm này cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, cần hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo quy định pháp luật.

[4] Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 610, 634, 643, 644, 645Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị B, bị đơn Nguyễn Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Thành T, Nguyễn Văn Ngh, Nguyễn Văn H.

Hủy Bản án số 05/2019/DS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2/ Về chi phí định giá, đo đạc, thẩm định tại chỗ, xác minh và án phí sơ thẩm sẽ được giải quyết khi xét xử sơ thẩm.

3/ Về án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị B số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0001251 ngày 04/3/2019, bị đơn Nguyễn Thị T số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0001247 ngày 28/02/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
–Tòa án nhân dân tối cao;
– VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
– TAND tỉnh Vĩnh Long;
– VKSND tỉnh Vĩnh Long;
– Cục THADS tỉnhVĩnh Long;
– Các đương sự (13);
– Lưu: hồ sơ (2),VP (6), 26b (LTTT).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đắc Minh